TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 888/2024/HS-PT
Ngày 23 tháng 9 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thuỷ;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 544/2024/TLPT-HS ngày 19 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Trần Xuân D, Trương Minh T; Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 199/2024/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1/. Trần Xuân D; sinh năm 1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 107/16 đường N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: Trần N và bà Ngô Thị L; Có vợ: Nguyễn Thị Hoài N1, sinh năm 1978, đã ly hôn và 02 người con, lớn sinh năm: 2012, nhỏ sinh năm: 2014; Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Nhân thân:

- Ngày 20/01/1987, bị Công an quận B bắt về hành vi "Trộm cắp tài sản công dân", sau đó được cảnh cáo tha.

- Ngày 09/6/1989, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản công dân". Ngày 18/9/1989, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, xử phạt 02 năm tù, đến ngày 17/10/1990 được tha về (BL 126).

Ngày 05/6/1991 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 36 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản công dân", đến năm 1993 được tha về (BL 121).

- Ngày 27/01/1999, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 14 năm tù về các tội "Cướp tài sản công dân"; "Cướp giật tài sản công dân" và "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng", đến ngày 27/4/2007 được tha về (BL 129).

- Ngày 24/10/2013, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có giấy chứng nhận xóa án tích số 136/2013/GCN-CA, đối với Trần Xuân D (BL 130).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2017.

2/. Trương Minh T, sinh năm 1976 tại Bến Tre; Hộ khẩu thường trú: C đường N, Phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở I V, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học văn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Trương Minh T1 và bà Nguyễn Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2017.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

Người bào chữa của bị cáo Trần Xuân D: Luật sư Hà Văn T2 – Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

Người bào chữa của bị cáo Trương Minh T:

1. Luật sư Nguyễn Văn T3 – Đoàn Luật sư Thành phố H. (vắng mặt)

2. Luật sư Vũ Thanh H1 – Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 21/3/2017, tại khu vực đường N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố H phát hiện bắt quả tang Trần Xuân D đang có hành vi tàng trữ ma túy để bán. Qua kiểm tra, thu giữ trong cốp xe gắn máy biển số 59A3-105.50 do D đang sử dụng có 01 túi vải bên trong có 05 bịch nylon chứa 4980 viên nén màu xanh nhạt và đậm có hình vương miện, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1586,52gram, loại MDMA; 01 bịch nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 997,67gram, loại Ketamine. Sau đó lực lượng Công an đã đưa D về Công an phường A, quận B lập biên bản phạm tội quả tang (BL 94).

Mở rộng điều tra, cùng lúc 19 giờ 30 phút ngày 21/3/2017, tại khu vực đường P, Phường A, quận B, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an Thành phố H phát hiện bắt quả tang đối với Trương Minh T có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy, qua kiểm tra thu giữ được trên xe gắn máy biển số 71H8-7255 do T đang sử dụng có 01 túi xách, bên trong có 10 gói nylon chứa tinh thể

không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 9999,1g loại Methamphetamine. Sau đó lực lượng Công an đã đưa T về Công an P1, quận B lập biên bản phạm tội quả tang (BL 30).

Tất cả số ma túy thu giữ của các bị cáo đã được giám định tại Bản kết luận giám định số 654/KLGĐ-H ngày 05/4/2017 và số 655/KLGĐ-H ngày 05/4/2017 của Phòng K, Công an Thành phố H (BL 188, 189).

Qua điều tra đấu tranh ban đầu, Trần Xuân D và Trương Minh T đã khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Vào năm 1997 trong khi đi thi hành án tại trại X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Trần Xuân D có quen biết với đối tượng tên T4 (chưa rõ lai lịch), năm 2007 D được tha về sinh sống tại địa phương. Đến năm 2016, D gặp lại T4 và được T4 đặt vấn đề có nguồn ma túy; nếu có ai mua thì T4 bán lại. Đến tháng 2/2017, khi D đi chơi thì gặp Trương Minh T (tự T5 pê đê) và T có hỏi D có nguồn ma túy thì bán lại cho T tiêu thụ, nhưng D chưa đồng ý. Sau đó, có một người tên Tuấn C (qua xác minh là Trần Anh T6, là C1 của T5) điện thoại cho D nói bán ma túy cho T6, nhưng T đi nhận ma túy giao lại cho khách của T6 thì D đồng ý. Sau đó từ đầu tháng 3/2017 cho đến khi bị bắt, T theo lời của T6 đến gặp D nhận ma túy mang đi giao cho khách và nhận tiền mang về cho T6 tổng cộng 2 lần, trong đó:

- Lần thứ 1: T đến gặp D tại đường V, quận B nhận 01 bịch ma túy (không rõ khối lượng) mang sang khu vực Quận H giao cho một người tên Bé H2 (không rõ lai lịch).

- Tiếp tục lần thứ 2: Vào khoảng 16h00 ngày 21/3/2017, T4 điện thoại cho D hẹn đến cầu Đ, quận B để nhận 01 túi màu xanh, bên trong có 10kg ma túy đá và 01 túi vải màu đen xám bên trong có 5 bịch nylon chứa thuốc lắc, 01 gói ma túy loại Ketamine (hàng khe) để D cất giữ. Sau khi nhận ma túy, D điện thoại cho T nói chuẩn bị tiền để nhận ma túy. Đến khoảng 19h00 cùng ngày, D điện thoại cho T hẹn đến ngã ba N - X, quận B để nhận ma túy là 01 túi màu xanh có chứa 9.999,10g MA. Sau khi nhận ma túy và T trả tiền mua ma túy hơn 3 tỷ đồng cho D xong thì T trên đường mang ma túy về đến đường P, quận B thì bị lực lượng Công an bắt giữ, đồng thời bắt giữ được Trần Xuân D và đã thu giữ được ma túy gồm thuốc lắc và Ketamine trong cốp xe của D như nêu trên. Lời khai ban đầu của D và T phù hợp nhau và phù hợp với các chứng cứ mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được (BL từ 59 đến 72, 78-81, 95, 141, 143-145, 150, 151, 160, 161).

Trong quá trình điều tra, Trần Xuân D thay đổi lời khai, không thừa nhận bán ma túy cho T, T6 vào ngày 21/3/2017 như nêu trên, D chỉ thừa nhận số ma túy Công an thu giữ được trong cốp xe của D khi bị bắt là do người bạn tên T4 nhờ D cất giữ giúp, khi nào có người mua đến nhận thì giao nhưng chưa kịp giao thì bị bắt quả tang như trên. Mặc dù quá trình điều tra D không thừa nhận hành vi phạm tội, nhưng căn cứ lời khai của Trương Minh T, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác mà Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H đã thu thập

được, đủ cơ sở buộc Trần Xuân D phải chịu trách nhiệm hình sự về số ma túy đã bán cho Trương Minh T vào ngày 21/3/2017.

Đối với đối tượng tên Tuấn C, Cơ quan điều tra xác minh có nhân thân, lai lịch là: Trần Anh T6 (sinh năm 1972, hộ khẩu thường trú: A V, Phường B, quận B). Quá trình điều tra, Trương Minh T đã nhận dạng được T6, Trần Xuân D không nhận dạng được, nên cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để khởi tố xử lý đối với T6. Hiện Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm và sẽ xử lý sau.

Đối với các đối tượng tên T4 là người giao ma túy cho D và tên B H2 là người mua ma túy của T6 do T đi giao. Các bị cáo khai không biết lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ để xử lý.

* Vật chứng thu giữ được trong vụ án, gồm có:

1/. Thu giữ của Trần Xuân D:

- 01 gói niêm phong bên ngoài ghi số 654/2017 có chữ ký của giám định viên Võ Anh T7 - Phòng PC 54 và điều tra viên Trần Minh P, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 02 điện thoại di động.

- Tiền NHVN: 3.210.000.000đ. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đã nộp kho bạc nhà nước Q1.

Đối với xe gắn máy biển số 59A3-105.50, qua xác minh do ông Trần N (là cha ruột của Trần Xuân D) đứng tên chủ sở hữu. Vào ngày 21/3/2017, D mượn xe trên để sử dụng và đi giao ma túy thì bị bắt, ông N có cho D mượn xe nhưng không biết D sử dụng vào việc mua bán ma túy. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe trên cho ông N.

2/. Thu giữ của Trương Minh T:

- 01 gói niêm phong bên ngoài ghi số 655/2017 có chữ ký của giám định viên Võ Anh T7 - Phòng PC 54 và điều tra viên Trần Minh P, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 03 điện thoại di động.

- 01 túi xách.

- Đối với xe gắn máy biển số 71H8-7255, qua xác minh do ông Võ Thế V đứng tên chủ sở hữu, hiện ông V không không còn cư ngụ tại địa phương. Qua ghi lời khai ông Trương Minh T1 (là cha ruột của Trương Minh T) được biết ông T1 đã mua chiếc xe trên của ông V để sử dụng. Vào ngày 10/3/2017, T mượn xe trên để sử dụng và đi giao ma túy thì bị bắt, ông T1 có cho T mượn xe nhưng không biết T sử dụng vào việc mua bán ma túy. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa có ai đến liên hệ giải quyết.

* Quá trình truy tố, xét xử:

Vào ngày 20/11/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa bị cáo Trương Minh T vẫn khai nhận hành vi

phạm tội như kết quả điều tra và Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo Trần Xuân Dũng vẫn không thừa nhận hành vi phạm tội. Căn cứ quá trình điều tra vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Cơ quan điều tra thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án, từ đó Hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo Trần Xuân D và Trương Minh T, mức hình phạt Tử hình. Sau đó các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đến ngày 18/9/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo phản cung, không thừa nhận có quen biết nhau và không thực hiện hành vi mua bán ma túy với nhau, đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm về mặt thời gian bắt giữ các bị cáo, cũng như việc vi phạm về chỉ định luật sư cho các bị cáo trong quá trình điều tra. Từ đó Hội đồng xét xử tuyên hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo quy định.

Ngày 15/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định trả hồ sơ để điều tra lại số 13/QĐ-VKS-P1 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H.

Quá trình điều tra lại vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H xác định:

1/. Về mặt thời gian bắt giữ đối với Trần Xuân D và Trương Minh T. Cơ quan điều tra đã yêu cầu lực lượng tham gia bắt giữ D và T báo cáo quá trình bắt giữ, kết quả thể hiện: Khoảng 19h15 ngày 21/3/2017, Tổ công tác đến khu vực ngã ba X - N, quận B thì phát hiện Trần Xuân D và Trương Minh T có biểu hiện nghi vấn mua bán ma túy và sau đó D và T đi 2 hướng khác nhau. Lúc này tổ công tác triển khai lực lượng thành 02 tổ, 01 tổ tiếp cận Dũng mời về Công an A, quận B, 01 tổ tiếp cận mời T về Công an P1, quận B để tiến hành kiểm tra người, đồ vật và phương tiện đã phát hiện thu giữ ma túy nên đã tiến hành lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang. Quá trình phát hiện đến lúc bắt giữ các bị cáo được thực hiện theo 02 hướng khác nhau nên có sự chênh lệch về mặt thời gian trong việc lập biên bản bắt giữ D (lập biên bản ghi vào lúc 20h20 ngày 21/3/2017) và T (lập biên bản ghi vào lúc 19h35 ngày 21/3/2017) nhưng không làm thay đổi bản chất hành vi phạm tội của D và T. Do đó, Cơ quan điều tra xác định D là người đã bán ma túy cho T xảy ra vào ngày 01/3/2017.

2/. Quá trình điều tra vụ án, khi Cơ quan điều tra tiến hành ghi lời khai ban đầu các bị cáo D và T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai các bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ, cùng tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án. Tại thời điểm trên các bị cáo không yêu cầu luật sư bào chữa, nên Cơ quan điều tra chưa có thông báo luật sư tham gia bào chữa từ đầu cho các bị cáo.

Trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo T yêu cầu luật sư bào chữa, Cơ quan điều tra đã cử luật sư bào chữa cho bị cáo và Cơ quan điều tra tiến hành xét hỏi, ghi biên bản hỏi cung, biên bản đối chất bị cáo T đều có luật sư tham gia và bị cáo vẫn khai nhận hành vi phạm tội như lời khai ban đầu. Đối với bị cáo D không yêu cầu luật sư, nên Cơ quan điều tra đã yêu cầu Đ luật sư cử luật sư chỉ định cho bị cáo D. Sau khi có luật sư tham gia, bị cáo D thay đổi lời khai không thừa nhận đã

thực hiện hành vi mua bán ma túy với T như lời khai ban đầu đã khai báo. D chỉ thừa nhận có cất giữ ma túy cho T4, khi nào có người mua thì T4 liên hệ D mang ma túy đi giao, nhưng chưa kịp giao thì bị Công an bắt giữ, thu giữ ma túy trong cốp xe vào ngày 21/3/2017.

- Quá trình điều tra lại đến nay:

+ Trần Xuân D chỉ thừa nhận vào ngày 21/3/2017 có người bạn tên T4 (không rõ lai lịch) nhờ cất giữ giúp túi đồ, không biết bên trong là gì, sau đó D để túi đồ trong cốp xe biển số 59A3-105.50 và trên đường về nhà thì bị Công an bắt giữ như trên. D không thừa nhận có bán ma túy cho T và Tuấn C như lời khai ban đầu.

+ Trương Minh T thay đổi lời khai, không thừa nhận có mua bán ma túy cho Trần Xuân D và Tuấn C, cũng như không quen biết Tuấn C. Vào ngày 21/3/2017, T được người bạn tên H3 (không rõ lai lịch) gửi T cất giữ giúp bịch đồ, không biết bên trong là đồ gì. Sau đó, T trên đường mang về nhà thì bị Công an bắt giữ và thu giữ ma túy như trên.

3. Đối với đối tượng tên Tuấn C, có tên thật là Trần Anh T6, sinh năm 1972, hộ khẩu thường trú: A V, Phường B, quận B. Quá trình điều tra đến nay, vẫn chưa xác định được nơi ở của T6 để triệu tập ghi lời khai làm rõ mối quan hệ với D và T. Hiện Cơ quan điều tra vẫn tiếp tục đăng thông báo truy tìm và xác minh làm rõ hành vi phạm tội của T6, khi nào đủ căn cứ sẽ tiến hành xử lý theo quy định.

- Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần trả hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát điều tra làm rõ các tình tiết của vụ án như: Mối quan hệ giữa Trương Minh T và Trần Anh T6 (Tuấn C); Nguồn gốc số tiền 3.210.000.000 đồng thu giữ của D; Số ma túy thu giữ khi bắt quả tang Trần Xuân D, Trương Minh T từ đâu mà có, các bị cáo mang đi đâu, có mục đích gì; Xác định ngày 21/3/2017, D và T có gặp nhau hay không, nếu có thì gặp ở đâu, thời điểm nào, để làm gì; Lý do vì sao các cuộc gọi đi đến trong ngày 21/3/2017 thể hiện trong lịch sử điện thoại của D và T không trùng khớp nhau về thời điểm liên lạc.

Kết quả điều tra bổ sung thể hiện:

Về mối quan hệ giữa bị cáo Trương Minh T và Trần Anh T6 (Tuấn C). Quá trình điều tra ban đầu T khai được T6 nhờ đi nhận ma túy từ Trần Xuân D về đưa cho T6. Sau đó quá trình điều tra lại vụ án Trương Minh T và Trần Xuân D đều thay đổi lời khai, khai không quen biết Tuấn C. Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ nhân thân, lai lịch của Tuấn C, có họ, tên là Trần Anh T6, sinh năm 1972, hộ khẩu thường trú: A V, Phường B, quận B, đã bị Cơ quan điều tra Bộ C2 bắt, khởi tố trong vụ án khác. Cơ quan điều tra đã tiến hành ghi lời khai Trần Anh T6 (BL 524) và tiến hành đối chất giữa Trần Anh T6 với Trương Minh T (BL 528) và Trần Anh T6 với Trần Xuân D (BL 526), tất cả đều khai không quen biết nhau và không có việc nhờ đi nhận ma túy vào ngày 21/3/2017. Do chỉ có lời khai ban đầu của T xác định có mối quan hệ với Trần Anh T6 (T), nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để buộc Trần Anh T6 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số ma túy đã thu giữ của Trương Minh T. Kết quả điều tra cũng xác định hành vi phạm tội

của Trần Anh T6 bị Cơ quan điều tra Bộ C2 bắt, khởi tố trong vụ án khác không có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo D, T trong vụ án này.

Cơ quan điều tra đã kiểm tra các điện thoại thu giữ của T và của D. Tại biên bản kiểm tra điện thoại lúc 09 giờ ngày 22/3/2017 đối với điện thoại di động hiệu IPHONE màu trắng bạc, số thuê bao 0938322759 thu giữ của T thể hiện tại mục cuộc gọi đến có lưu 09 số điện thoại khác nhau gọi đến số điện thoại T từ ngày 15/3/2017 đến ngày 21/3/2017, trong đó T ký xác nhận số điện thoại 01692830568 của D gọi đến T lúc 19 giờ 08 phút. Tại biên bản kiểm tra điện thoại lúc 11 giờ ngày 22/3/2017 đối với điện thoại hiệu Samsung số thuê bao 01692830568 thu giữ của D thể hiện tại mục gọi đi thể hiện có gọi đến số thuê bao 0938322759 của T vào lúc 07 giờ 44 phút, 07 giờ 29 phút, 07 giờ 26 phút và 06 giờ 00 phút ngày 21/3/2017. Cả 02 biên bản kiểm tra điện thoại nêu trên thì T và D đều ký tên xác nhận vào biên bản. Cơ quan điều tra nhận thấy, trong phần nhật ký 02 điện thoại của D và Thanh lưu thời gian liên lạc vào ngày 21/3/2017 có khác nhau là do cách cập nhật và lưu giữ ngày giờ của từng loại điện thoại và không ảnh hưởng tới việc xác định ngày 21/3/2017 T và D có liên lạc với nhau.

Đối với số tiền 3.210.000.000 đồng thu giữ khi bắt giữ Trần Xuân D: Kết quả điều tra ban đầu D khai đây là tiền do Trương Minh T đưa để nhận ma túy vào ngày 21/3/2017. Khi đến nhận ma túy thì T đưa bịch tiền D chưa kiểm tra thì bị bắt quả tang, khi về cơ quan công an kiểm tra xác định số tiền 3.210.000.000 đồng, phù hợp với lời khai ban đầu của T là tiền để mua bán ma túy. Theo lời khai của D số ma túy 10kg ma túy đá bán cho T với số tiền 3.500.000.000 đồng và việc T khi đến nhận ma túy chỉ đưa số tiền 3.210.000.000 đồng thì D không biết. Quá trình điều tra, D và T thay đổi lời khai không quen biết nhau, không có mua bán ma túy, đồng thời D khai số tiền trên là do bà Ngô Thị L (sinh năm 1948, mẹ ruột của D) đưa để D đi trả tiền nhà tại Bình Dương. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh được biết bà Ngô Thị L đã chết vào ngày 22/8/2021, nên không thể ghi lời khai làm rõ sự việc; qua ghi lời khai ông Trần Xuân Q (anh ruột của D) thì gia đình chỉ nghe bà L trước khi chết có nói đưa tiền cho D và không biết sự việc cụ thể. Do đó, việc D khai về số tiền trên của bà Ngô Thị L là không có cơ sở.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 199/2024/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1/. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Trần Xuân D: Tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Phạt bổ sung bị cáo Trần Xuân D số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/3/2017.

Căn cứ vào điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Trương Minh T: Tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/3/2017.

2/. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 thùng niêm phong bên ngoài ghi số 654/2017 có chữ ký của giám định viên Võ Anh T7 - Phòng PC 54 và điều tra viên Trần Minh P, bên trong là ma túy còn lại sau giám định; 01 thùng niêm phong bên ngoài ghi số 655/2017 có chữ ký của giám định viên Võ Anh T7 - Phòng PC 54 và điều tra viên Trần Minh P, bên trong là ma túy còn lại sau giám định; 01 túi xách.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia; 01 điện thoại di động hiệu Samsung: ...953/0 (không nắp); 01 điện thoại di động hiệu Samsung: ...4773/8; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, model A1530; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, model A1387 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong máy); Tiền NHVN: 3.210.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 21/5/2024, bị cáo Trần Xuân D có đơn kháng cáo kêu oan; cho rằng bị cáo chỉ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" đối với khối lượng ma túy cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo; số tiền 3.210.000.000 đồng thu giữ không phải là tiền mua bán ma túy mà là tiền mẹ bị cáo cho để mua nhà tại Bình Dương nên yêu cầu trả lại cho bị cáo số tiền trên. Cùng ngày, bị cáo Trương Minh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Xuân D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo Trương Minh T thay đổi kháng cáo, cho rằng bị cáo chỉ chịu trách nhiệm về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" đối với số ma túy bị thu giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Xuân D, Trương Minh T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới để làm thay đổi nội dung vụ án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Xuân D *trình bày:* Bị cáo D không có hành vi mua bán ma túy với bị cáo T. Số ma túy bị thu giữ là do T4 nhờ D giữ giùm nên bị cáo chỉ có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Không có căn cứ chứng minh giữ D và T có thỏa thuận mua bán ma túy với nhau; thời điểm bắt giữ 02 bị

cáo khác nhau. Các lời khai ban đầu của bị cáo D không có Luật sư tham gia; bị cáo khai nhận do bị áp lực, suy sụp về tinh thần. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Minh T *trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử chuyển đổi tội danh của bị cáo T sang tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Xuân D, Trương Minh T làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ các bản tường trình, biên bản lấy lời khai, hỏi cung, đối chất giữa các bị cáo có sự tham gia chứng kiến của Kiểm sát viên, Luật sư và được tiến hành ghi âm, ghi hình theo quy định, vật chứng của vụ án, biên bản kiểm tra điện thoại của các bị cáo, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập được trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 21/3/2017, đối tượng tên T4 không rõ lai lịch gọi điện thoại cho Trần Xuân D hẹn đến cầu Đ, quận B để nhận 01 túi màu xanh, bên trong có 10kg ma túy đá và 01 túi vải màu đen xám bên trong có 5 bịch nylon chứa thuốc lắc, 01 gói ma túy loại Ketamine (hàng khe) để D cất giữ. Sau khi nhận ma túy từ T4, D điện thoại cho Trương Minh T nói chuẩn bị tiền để nhận ma túy; đến khoảng 19h00 cùng ngày, D điện thoại cho T hẹn đến ngã ba N - X, quận B để nhận ma túy là 01 túi màu xanh có chứa 9.999,10g ma túy loại Methamphetamine (MA). Sau khi T nhận ma túy và trả tiền mua ma túy cho D xong, trên đường mang ma túy về đến đường P, Phường A quận B thì T bị lực lượng Công an bắt giữ, thu giữ trên xe gắn máy biển số 71H8-7255 do T đang điều khiển có 01 túi xách, bên trong có 10 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 9999,1g, loại Methamphetamine. Đồng thời bắt giữ được Trần Xuân D tại khu vực đường N, Phường A, quận B và thu giữ trong cốp xe gắn máy biển số 59A3-105.50 do D đang điều khiển có 01 túi vải bên trong có 05 bịch nylon chứa 4980 viên nén màu xanh nhạt và đậm có hình vương miện, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1586,52gram, loại MDMA và 01 bịch nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 997,67gram, loại Ketamine và số tiền 3.210.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Xuân D, Trương Minh T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị cáo về tội danh:

Đối với việc cơ quan điều tra bắt quả tang việc D đang điều khiển xe gắn máy biển số 59A3-105.50; trên xe có 01 túi vải, bên trong có 05 bịch nylon chứa 4980 viên nén màu xanh nhạt và đậm có hình vương miện, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1586,52gram, loại MDMA và 01 bịch nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 997,67gram, loại Ketamine, cùng số tiền 3.210.000.000 đồng; bắt quả tang Trương Minh T có hành vi cất giữ trên xe gắn máy biển số 71H8-7255 do T đang điều khiển 01 túi xách, bên trong có 10 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 9999,1g loại Methamphetamine vào cùng ngày 21/3/2017 các bị cáo đều thừa nhận như nội dung biên bản phạm tội quả tang đã lập.

Sau khi bị tạm giữ, tại cơ quan điều tra, Trần Xuân D có bản tự khai ngày 23/3/2017 với nội dung: *"Vào lúc 21/3/2017 tại ngã ba* Nguyễn Cửu V1 – X *tôi có đưa cho* T *BĐ 1 túi vải trong đó có 10kg ma túy đá và* T *đưa lại cho tôi bịch tiền"* (BL 143). Bị cáo được cơ quan điều tra cho tiến hành nhận dạng và đối chất với Trương Minh T; thủ tục nhận dạng, đối chất được thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Quá trình nhận dạng, đối chất, bị cáo D thừa nhận vào khoảng 19h00 ngày 21/3/2017, tại ngã ba N - X, bị cáo đã giao cho T 10kg ma túy đá. Mặc dù các lời khai ban đầu của bị cáo không có Luật sư tham gia, tuy nhiên nội dung tường trình, lời khai phù hợp với toàn bộ nội dung lời khai, tường trình của bị cáo Trương Minh T trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, các tình tiết mà bị cáo D khai nhận ban đầu phù hợp với vật chứng đã thu giữ, diễn biến sự việc đã xảy ra.

Đối với bị cáo Trương Minh T, quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, bị cáo đều thừa nhận vào ngày 21/3/2017 tại ngã ba N - X, bị cáo đã có hành vi nhận 10kg ma túy từ D, đồng thời giao tiền cho D theo sự chỉ đạo của Tuấn C; khi đang vận chuyển ma túy về thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra có sự tham gia của Luật sự, Kiểm sát viên. Đến phiên tòa phúc thẩm lần thứ nhất, bị cáo phủ nhận toàn bộ lời khai trước đó. Việc bị cáo thay đổi lời khai không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong vụ án nên không có cơ sở để chấp nhận.

Cơ quan điều tra cũng đã kiểm tra các điện thoại thu giữ của Trương Minh T và Trần Xuân D. Tại biên bản kiểm tra điện thoại ngày 22/3/2017, đối với điện thoại di động hiệu Iphone số thuê bao 0938322759 thu giữ của T thể hiện tại mục cuộc gọi đến có lưu 09 số điện thoại khác nhau gọi đến số điện thoại T từ ngày 15/3/2017 đến ngày 21/3/2017, trong đó T ký xác nhận số điện thoại 01692830568 của D gọi đến T lúc 19 giờ 08 phút. Tại biên bản kiểm tra điện thoại lúc 11 giờ ngày 22/3/2017 đối với điện thoại hiệu Samsung số thuê bao 01692830568 thu giữ của D tại mục gọi tới thể hiện số thuê bao 0938322759 của T vào lúc 07 giờ 44 phút, 07 giờ 29 phút, 07 giờ 26 phút và 06 giờ 00 phút ngày 21/3/2017. Cả 02 biên bản kiểm tra điện thoại nêu trên, đều được T và D ký tên xác nhận. Cơ điều tra xác định trong phần nhật ký của 02 điện thoại của D và Thanh lưu thời gian liên lạc vào ngày 21/3/2017 có khác nhau là do cách cập nhật và lưu giữ ngày giờ

của từng loại điện thoại và không ảnh hưởng tới việc xác định vào ngày 21/3/2017 các bị cáo T và D có liên lạc với nhau như nội dung vụ án thể hiện.

Đối với số tiền 3.210.000.000 đồng thu giữ khi bắt giữ Trần Xuân D: Kết quả điều tra ban đầu D khai đây là tiền do Trương Minh T đưa để nhận ma túy vào ngày 21/3/2017. Khi đến nhận ma túy thì T đưa bịch tiền D chưa kiểm tra thì bị bắt quả tang, khi về cơ quan công an kiểm tra xác định số tiền 3.210.000.000 đồng; phù hợp với lời khai ban đầu của T là tiền T đưa cho D để mua ma túy. Theo lời khai của D số ma túy 10kg ma túy đá bán cho T với số tiền 3.500.000.000 đồng và việc T khi đến nhận ma túy chỉ đưa số tiền 3.210.000.000 đồng thì D không biết. Quá trình điều tra, D và T thay đổi lời khai xác định không quen biết nhau, không mua bán ma túy, đồng thời D khai số tiền trên là do bà Ngô Thị L (mẹ ruột của D) cho riêng D để mua nhà tại Bình Dương. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh được biết bà Ngô Thị L đã chết vào ngày 22/8/2021 nên không thể ghi lời khai làm rõ sự việc. Qua ghi lời khai ông Trần Xuân Q (anh ruột của D) thì gia đình chỉ nghe bà L trước khi chết có nói đưa tiền cho D và không biết việc cụ thể. Bị cáo D và gia đình bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về nguồn gốc số tiền trên. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định đây là số tiền mà T đã đưa cho D để mua ma túy.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo D cho rằng thời điểm bắt giữ 02 bị cáo khác nhau nên không có căn cứ xác định việc 02 bị cáo mua bán trái phép chất ma túy. Xét thấy, kết quả điều tra thể hiện khoảng 19 giờ 15 phút ngày 21/3/2017, Tổ công tác đến khu vực ngã ba X - N, quận B thì phát hiện Trần Xuân D và Trương Minh T có biểu hiện nghi vấn về việc mua bán ma túy; sau đó D và T đi 02 hướng khác nhau. Lúc này, tổ công tác triển khai lực lượng thành 02 tổ, 01 tổ tiếp cận Dũng mời về Công an A, quận B và 01 tổ tiếp cận mời T về Công an P1, quận B để tiến hành kiểm tra người, đồ vật và phương tiện đã phát hiện thu giữ ma túy, từ đó tiến hành lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang. Quá trình phát hiện đến lúc bắt giữ các bị cáo được thực hiện theo 02 hướng khác nhau nên có sự chênh lệch về mặt thời gian trong việc lập biên bản bắt giữ D. Thực tế đã chứng minh được việc bị cáo D và T liên hệ với nhau để thực hiện việc mua bán ma túy vào ngày 21/3/2017 như đã nhận định trên. Do đó, việc lập biên bản đối với 02 bị cáo vào mốc thời gian khác nhau không làm thay đổi bản chất hành vi phạm tội của các bị cáo D và T.

Đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ xác định vào ngày 21/3/2017, theo sự chỉ đạo của Tuấn C, Trần Xuân D đã giao cho Trương Minh T 10kg ma túy đá như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Xuân D, Trương Minh T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Các bị cáo kháng cáo yêu cầu thay đổi tội danh sang *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về hình phạt đối với các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của nhà nước về chất ma túy, là nguyên nhân gây nên nhiều tệ nạn xã hội cũng như các loại tội phạm khác, gâu ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo thực hiện hành vi mua bán ma túy với khối lượng đặc biệt lớn; gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo và hậu quả mà hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, xử phạt các bị cáo mức hình phạt Tử hình là phù hợp. Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình thêm được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt mới; đồng thời không có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình mà tiếp tục quanh có, chối tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xét thấy cần giữ nguyên mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo.

[2.4] Đối với số tiền 3.210.000.000 đồng là số tiền có được do hành vi mua bán ma túy của các bị cáo nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là có căn cứ. Bị cáo D kháng cáo yêu cầu được hoàn trả lại số tiền trên là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Xuân D, Trương Minh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Xuân D, Trương Minh T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 199/2024/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1/. Căn cứ vào điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Trần Xuân D Tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Phạt bổ sung bị cáo Trần Xuân D số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/3/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2/. Căn cứ vào điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Trương Minh T Tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/3/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2/. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 thùng niêm phong bên ngoài ghi số 654/2017 có chữ ký của giám định viên Võ Anh T7 - Phòng PC 54 và điều tra viên Trần Minh P, bên trong là ma túy còn lại sau giám định; 01 thùng niêm phong bên ngoài ghi số 655/2017 có chữ ký của giám định viên Võ Anh T7 - Phòng PC 54 và điều tra viên Trần Minh P, bên trong là ma túy còn lại sau giám định; 01 túi xách.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia; 01 điện thoại di động hiệu Samsung: ...953/0 (không nắp); 01 điện thoại di động hiệu Samsung: ...4773/8; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, model A1530; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, model A1387 (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng bên trong máy); Tiền NHVN: 3.210.000.000đ.

Giao cho Cục thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 năm, nếu không có chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe hai bánh gắn máy màu vàng nhãn hiệu SYM, số loại: Attila, biển số 71H8-7255, số khung: RLGKA11AD-AD002750, số máy: VMVUAA-D002750 (xe không gương, xe hỏng yên, cũ nát, rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra) đến nhận, thì chiếc xe trên được tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

(Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 219/18 ngày 24/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng số tiền 3.210.000.000 (ba tỷ hai trăm mười triệu) đồng, hiện đang được gửi giữ tại Kho bạc Nhà nước Quận A, theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 39490905977500000 ngày 22/3/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H).

3/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Các bị cáo Trần Xuân D, Trương Minh T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6/. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo Trần Xuân D, Trương Minh T được quyền gửi đơn đến Chủ tịch N2 để xin ân giảm án tử hình.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (3);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Sở Tư pháp TP.HCM (1);
- Công an TP.HCM (1);
- Trại tạm giam Công an TP.HCM (4);
- Lưu VP(3), HS(2).18b.LTTT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thuỷ